



Số: 546 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách
nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 54/TTr-SKHCN ngày 13/01/2021 và Công văn số 192/SKHCN-KHTC ngày 22/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa gồm 23 dịch vụ sự nghiệp công, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ: 07 dịch vụ;
- Lĩnh vực phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ: 06 dịch vụ;
- Lĩnh vực sở hữu trí tuệ: 02 dịch vụ;
- Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 05 dịch vụ;
- Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân: 03 dịch vụ.

(Chi tiết theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ:

1. Căn cứ danh mục sự nghiệp công được phê duyệt tại Điều 1, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan quyết định lựa chọn đơn vị sự nghiệp công cung ứng dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách Nhà nước lĩnh vực Khoa học và Công nghệ theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện lựa chọn phương thức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ theo quy định hiện hành.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời cập nhật, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

4. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ theo đúng quy định hiện hành, trình UBND tỉnh quyết định.

5. Hướng dẫn các đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công lập để lập phương án giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

6. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu thực hiện tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: KH-CN, KH-ĐT, TC;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, NL, HN. *LHD*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hữu Hoàng

DANH MỤC**Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa***(Ban hành kèm theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09 / 3 /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN)	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Ghi chú
I. Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN)				
1	Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ.	X		Luật KH&CN năm 2013; Luật Xuất bản năm 2012; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014
2	Thẩm định cấp chứng nhận hoạt động ứng dụng, nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, công nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN.	X		Luật KH&CN năm 2013; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017
3	Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: - Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác). - Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. - Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;		X	Luật KH&CN năm 2013; Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017



	- Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.			
4	Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ.		X	Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật KH&CN năm 2013; Luật Công nghệ cao năm 2008
5	Đánh giá, thẩm định, giám định và định giá công nghệ; thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; Định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ phục vụ quản lý nhà nước.	X		Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Luật KH&CN năm 2013
6	Thẩm định cơ sở khoa học của phát triển kinh tế - xã hội; Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực; Thẩm định nhiệm vụ KH&CN.	X		Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật KH&CN năm 2013
7	Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.		X	Luật KH&CN năm 2013; Thông tư số 38/2014/TT-BKH&CN ngày 16/12/2014
II. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ				
1	Dịch vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN.		X	Luật KH&CN năm 2013
2	Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.	X		Luật KH&CN năm 2013
3	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin, quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN.	X		Luật KH&CN năm 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 18/02/2014
4	Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm KH&CN, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.		X	Luật KH&CN năm 2013; Luật Chuyển giao công nghệ 2017; Luật Công nghệ cao năm 2008; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009

5	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN. Xây dựng duy trì và phát triển công nghệ thông tin KH&CN. Hoạt động thư viện, thống kê trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.	X		Luật KH&CN năm 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014
6	Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.	X		Luật KH&CN năm 2013; Luật công nghệ thông tin năm 2006; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Luật chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật đo lường năm 2011; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014

III.Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

1	Xác nhận đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp có hiệu lực bảo hộ tại Việt Nam.		X	Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009
2	Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.		X	Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009

IV.Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1	Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.	X		Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011.
2	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường; thẩm định hồ sơ phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia.	X		Luật Đo lường năm 2011
3	Xây dựng và tư vấn áp dụng hệ		X	Luật Chất lượng, sản

	thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.			phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011
4	Tổ chức Giải thưởng chất lượng quốc gia.	X		Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006; Luật Đo lường năm 2011
5	Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.		X	Luật Đo lường năm 2011; Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 và Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019.

V.Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân

1	Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn quốc gia trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân.	X		Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008
2	Xử lý, lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng; lưu giữ nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn; hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; tư vấn nhập khẩu công nghệ, thiết bị hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn và nguồn phóng xạ; tư vấn xuất khẩu công nghệ, thiết bị hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn và nguồn phóng xạ.		X	Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008
3	Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.	X		Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008